

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 tháng 03 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lý luận văn học, mã số chuyên ngành: 9229030.01

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lý luận văn học ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng khoa Văn học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: VĂN HỌC

MÃ SỐ: 9229030.01

CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN VĂN HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2909 /QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

- + Tên tiếng Việt: Lý luận văn học
- + Tên tiếng Anh: Literary Theories

- Tên ngành đào tạo:

- + Tên tiếng Việt: Văn học
- + Tên tiếng Anh: Literature

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 9229030.01

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Thời gian đào tạo: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 04 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

- + Tên tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Văn học
- + Tên tiếng Anh: The Degree of Doctor of Philosophy in Literature

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo bậc tiến sĩ chuyên ngành Lý luận văn học có mục tiêu chung

là đào tạo chuyên gia trình độ cao về Lý luận văn học. Người có bằng tiến sĩ Lý luận văn học có kiến thức và phương pháp nghiên cứu chuyên sâu trong các lĩnh vực văn học cụ thể, có khả năng cập nhật với tư duy lý luận hiện đại, phù hợp với thực tiễn phát triển của văn học trong nước và thế giới; có năng lực nghiên cứu độc lập và tổ chức nghiên cứu; có khả năng phát hiện và đề xuất các vấn đề/ hiện tượng tồn tại trong thực tiễn văn học.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức: Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đạt trình độ chuyên gia, có kiến thức sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn Lý luận, nắm chắc các phương pháp nghiên cứu cụ thể để có thể ứng dụng vào thực tiễn văn học và thực tiễn xã hội.

Kỹ năng: Chương trình tiến sĩ Lý luận văn học hướng đến đào tạo những người có phương pháp nghiên cứu và các kỹ năng thực hành nghiên cứu văn học trên cơ sở tiếp nhận các lý luận cơ bản; có khả năng nghiên cứu độc lập; thành lập các nhóm nghiên cứu khoa học; tham gia và chủ trì các đề tài khoa học các cấp.

Mức tự chủ và trách nhiệm: Chương trình tiến sĩ Lý luận văn học có mục tiêu đào tạo các chuyên gia để có thể làm việc trong các Viện nghiên cứu liên quan đến Khoa học Xã hội, các Trường Cao đẳng, Đại học; các cơ quan báo chí, xuất bản; các cơ quan văn hóa Trung ương.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển thông qua đánh giá hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng tuyển sinh:

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển. Cụ thể, đối tượng tuyển sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng:

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành/chuyên ngành phù hợp 1;

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác (nếu có).

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

3.2.2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định đơn vị đào tạo (nếu có). Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu:

+ Phẩm chất, đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng

chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp đại học trở lên do do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định của ĐHQGHN tương đương trình độ bậc 4/6 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được ĐHQGHN chấp nhận.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3.2.4. Yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp:

- Ngành phù hợp 1: Văn học, Lý luận văn học.

- Ngành phù hợp 2: Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Hán Nôm, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Văn học nước ngoài, Văn học so sánh.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập Hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp

của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.4. Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2

| STT | Tên học phần | Số tín chỉ |
|-------------|--|------------|
| 1 | Một số vấn đề lý luận của văn học hiện đại, hậu hiện đại | 02 |
| 2 | Tâm lý học sáng tạo nghệ thuật | 02 |
| 3 | Lý thuyết tự sự học | 02 |
| 4 | Phương pháp luận nghiên cứu văn học | 02 |
| Tổng | | 08 |

3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến 3-5 NCS/ năm).

Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu về luận án

- Luận án là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có hệ thống, chuyên sâu mang tính lý luận và thực tiễn, có những đóng góp mới đối với khoa học và thực tiễn, phù hợp với chuyên ngành Lý luận văn học.

- Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là sản phẩm nghiên cứu của chính tác giả thu được chủ yếu trong thời gian học, chưa được công bố trong các công trình nghiên cứu nào của người khác, bảo đảm liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác thì phải trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của tập thể trong đó tác giả có đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể cho phép tác giả sử dụng kết quả chung để viết luận án.

- Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, độ dài không quá 300 trang A4, không kể phụ lục, trong

đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3 đến 5 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những kết quả nghiên cứu và đóng góp quan trọng nhất của luận án.

2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- Công bố tối thiểu kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ), có tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

+ Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

+ Có 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO 1. Phân tích các vấn đề theo các hệ hình lý thuyết phù hợp, khoa học và cập nhật.

PLO 2. Hệ thống hoá các phương pháp luận chuyên ngành, cách tiếp cận liên ngành, hệ thống lý thuyết trong lý luận văn học vào các hoạt động khoa học.

PLO 3. Sáng tạo, phát triển các lý thuyết và tri thức mới liên quan đến lý luận văn học.

4. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO 4. Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển.

PLO 5. Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn.

PLO 6. Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học.

PLO 7. Kỹ năng đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.

PLO 8. Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển.

PLO 9. Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu.

5. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 10. Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới; đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.

PLO 11. Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.

PLO 12. Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia.

PLO 13. Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.

PLO 14. Phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội.

6. Vị trí làm việc của nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp Tiến sĩ chuyên ngành, người tốt nghiệp phải có khả năng và trình độ nghiên cứu khoa học độc lập, có thể nghiên cứu ở các Viện, có thể trở thành giảng viên ở các trường Đại học/ Cao đẳng, giáo viên các trường chuyên bậc phổ thông trung học, hoạt động trong các lĩnh vực báo chí, xuất bản, khoa học xã hội và nhân văn.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Với những kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đã đạt được, nghiên cứu sinh có thể tự mình rèn luyện thêm về ngoại ngữ, chuyên môn để thực hiện các đề tài nghiên cứu lớn hơn, hoặc đăng kí các chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ trong và ngoài nước, tự nâng cao trình độ trong chính công việc mà mình đảm nhiệm.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1 Đối với NCS có bằng thạc sĩ

| | |
|---|------------------------------|
| Tổng số tín chỉ phải tích lũy: | 90 tín chỉ, trong đó: |
| - Học phần tiến sĩ: | 10 tín chỉ |
| + Bắt buộc: | 4 tín chỉ |
| + Tự chọn: | 6 tín chỉ/12 tín chỉ |
| - Các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan, NCKH: 8 tín chỉ | |
| + Chuyên đề tiến sĩ: | 6 tín chỉ |
| + Tiểu luận tổng quan: | 2 tín chỉ |
| + Nghiên cứu khoa học (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>) | |
| - Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>) | |
| - Luận án tiến sĩ: | 72 tín chỉ |

1.2 Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ:

| | |
|---|-------------------------------|
| Tổng số tín chỉ phải tích lũy: | 124 tín chỉ, trong đó: |
| - Các học phần bổ sung kiến thức: | 34 tín chỉ |
| + Bắt buộc: | 12 tín chỉ |
| + Phần tự chọn: | 22 tín chỉ/44 tín chỉ |
| - Các học phần tiến sĩ: | 10 tín chỉ |
| + Bắt buộc: | 4 tín chỉ |
| + Tự chọn: | 6 tín chỉ/ 12 tín chỉ |
| - Các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan, NCKH: 8 tín chỉ | |
| + Chuyên đề tiến sĩ: | 6 tín chỉ |
| + Tiểu luận tổng quan: | 2 tín chỉ |
| + Nghiên cứu khoa học (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>) | |
| - Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>) | |
| - Luận án tiến sĩ: | 72 tín chỉ |

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Số giờ học tập | | | Mã số học phần tiên quyết |
|-------------|--|---|-------------|------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------|
| | | | | Lý thuyết ¹ | Thực hành ² | Tự học ³ | |
| I | Các học phần tiên sĩ | | 10 | | | | |
| I.1 | Các học phần bắt buộc | | 4 | | | | |
| 1 | LIT8072 | Lý luận văn học - nghiên cứu và ứng dụng <i>Literary Theory - Study and Applications</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 2 | LIT8073 | Các khuynh hướng phê bình văn học <i>The Trends of Literary Criticism</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| I.2 | Các học phần tự chọn | | 6/12 | | | | |
| 3 | LIT8047 | Lý luận về thể loại và nghiên cứu văn học Việt Nam <i>Genre Theory in Researching Vietnamese Literature</i> | 3 | 45 | 0 | 105 | |
| 4 | LIT8048 | Truyền thông nghệ thuật trong môi trường văn hóa đa phương tiện <i>Communication of Arts in the Multimedia Culture</i> | 3 | 45 | 0 | 105 | |
| 5 | LIT8049 | Tiếp cận văn hóa hiện tượng văn chương <i>Cultural Approach to Literary Phenomenon</i> | 3 | 45 | 0 | 105 | |
| 6 | LIT8080 | Các lý thuyết đương đại trong nghiên cứu văn học <i>Contemporary Literary Theories</i> | 3 | 45 | 0 | 105 | |
| II | Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH | | 8 | | | | |
| II.1 | Chuyên đề tiến sĩ | | 6 | | | | |
| 7 | LIT8074 | Chuyên đề 1 <i>Special Topic 1</i> | 2 | 5 | 0 | 95 | |
| 8 | LIT8075 | Chuyên đề 2 <i>Special Topic 2</i> | 2 | 5 | 0 | 95 | |
| 9 | LIT8076 | Chuyên đề 3 <i>Special Topic 3</i> | 2 | 5 | 0 | 95 | |
| II.2 | Tiểu luận tổng quan | | 2 | | | | |
| 10 | LIT8104 | Tổng quan tình hình nghiên cứu Lý luận và thực tiễn văn học <i>Overview of Literature</i> | 2 | 5 | 0 | 95 | |
| II.3 | Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình | | | | | | |

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Số giờ học tập | | | Mã số học phần tiên quyết |
|------------------|---|---|------------|------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------|
| | | | | Lý thuyết ¹ | Thực hành ² | Tự học ³ | |
| | | nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định của ĐHQGHN dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn | | | | | |
| III | Sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo, tọa đàm do đơn vị chuyên môn tổ chức. NCS cần tham gia các hoạt động sau: Trợ giảng bậc đại học, thạc sỹ; hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên cao học thực hành, thực tập; hoặc hướng dẫn tối thiểu 01 khoá luận tốt nghiệp đại học; hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức | | | | | | |
| IV | Luận án | | 72 | | | | |
| 10 | LIT9007 | Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i> | 72 | 0 | 0 | 3600 | |
| Tổng cộng | | | 90 | | | | |

2.2. Khung chương trình dành cho NCS chưa có bằng thạc sĩ

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Số giờ học tập | | | Mã số học phần tiên quyết |
|------------|-----------------------------------|--|--------------|------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------|
| | | | | Lý thuyết ¹ | Thực hành ² | Tự học ³ | |
| I | Học phần bổ sung kiến thức | | 34 | | | | |
| I.1 | Các học phần bắt buộc | | 12 | | | | |
| 1 | PHI5002 | Triết học <i>Philosophy</i> | 4 | 55 | 10 | 135 | |
| 2 | LIT6064 | Bản sắc Việt Nam qua giao lưu văn học <i>Vietnam Identity Through Literary Exchanges</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 3 | LIT6127 | Nghiên cứu văn học dân gian từ góc nhìn văn hóa <i>Researching Folk Literature from Cultural Perspectives</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 4 | LIT6069 | Lịch sử phê bình văn học phương Tây <i>History of Western Literary Criticism</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 5 | LIT6063 | Một số vấn đề lý luận của văn học hiện đại và hậu hiện đại <i>Some Theoretical Issues of Modern and Postmodern Literature</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| I.2 | Các học phần tự chọn | | 22/44 | | | | |
| 6 | LIT6099 | Tiểu thuyết huyền thoại phương Tây thế kỷ XX- đặc điểm thi pháp thể loại <i>Western Mythical Novel of 20th Century: Characteristics of Genre</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Số giờ học tập | | | Mã số học phần tiên quyết |
|-----|-------------|--|------------|------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------|
| | | | | Lý thuyết ¹ | Thực hành ² | Tự học ³ | |
| | | <i>Poetics</i> | | | | | |
| 7 | LIT6004 | Phương pháp luận nghiên cứu văn học <i>Methodology of Literary Study</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 8 | LIT6144 | Các khuynh hướng nghệ thuật trong thơ Việt Nam hiện đại <i>Art Trends in Modern Vietnamese poetry</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 9 | LIT6024 | Tâm lý học sáng tạo nghệ thuật <i>Psychological Approach to Arts</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 10 | LIT6003 | Những vấn đề thi pháp học <i>Issues of Poetics</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 11 | LIT6062 | Lý thuyết tự sự học <i>Narratology Theory</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 12 | LIT6070 | Lý luận văn học so sánh <i>Comparative Literary Theory</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 13 | LIT6145 | Lý thuyết nhân học trong nghiên cứu văn học <i>Anthropology and Literature</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 14 | LIT6146 | Lý thuyết liên văn bản <i>Intertextuality Theory</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 15 | LIT6147 | Lý thuyết kí hiệu học <i>Semiotics Theory</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 16 | LIT6148 | Lý thuyết địa văn hoá trong nghiên cứu văn học <i>Cultural Geography and Literature</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 17 | LIT6149 | Không gian đô thị trong văn học <i>Urban Space in Literature</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 18 | LIT6150 | Lý thuyết sinh thái học trong nghiên cứu văn học <i>Ecology and Literature</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 19 | LIT6006 | Bakhtin và những vấn đề của nghệ thuật ngôn từ <i>The Primary Aspects of Bakhtin's Aesthetics</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 20 | LIT6066 | Phiên dịch học <i>Translation Studies</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 21 | LIT6010 | Thơ Xuân Diệu và một số đặc điểm thi pháp thơ lãng mạn 1932-1945 <i>Xuan Dieu's Poetry and Some Features of Vietnamese Romantic Poetry in the Period 1932 -1945</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 22 | LIT6140 | Lý luận phê bình văn học cổ Trung Quốc | 2 | 30 | 0 | 70 | |

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Số giờ học tập | | | Mã số học phần tiên quyết |
|-------------|------------------------------|---|-------------|------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------|
| | | | | Lý thuyết ¹ | Thực hành ² | Tự học ³ | |
| | | <i>Premodern Chinese Literary Theories</i> | | | | | |
| 23 | LIT6095 | Tiểu thuyết cổ điển Nga - những vấn đề thi pháp thể loại <i>Russian Classical Novel – A Study in the Poetics of Genre</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 24 | LIT6105 | Loại hình học tác giả văn học trong văn học Trung đại Việt Nam <i>Typology of Writer in Vietnamese Medieval Literature</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 25 | LIT6009 | Lý thuyết tư duy thơ <i>Theory of Poetic Thought</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 26 | LIT6061 | So sánh văn luận Đông-Tây <i>Comparative Study of Western and Eastern Literary Criticism</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 27 | LIT6059 | Các bình diện thẩm mỹ của văn học trung đại Việt Nam <i>Aesthetic Aspects of Medieval Literature</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| II | Các học phần tiến sĩ | | 10 | | | | |
| II.1 | Các học phần bắt buộc | | 4 | | | | |
| 28 | LIT8072 | Lý luận văn học - nghiên cứu và ứng dụng <i>Literary Theory - Study and Applications</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| 29 | LIT8073 | Các khuynh hướng phê bình văn học <i>The Trends of Literary Criticism</i> | 2 | 30 | 0 | 70 | |
| II.2 | Các học phần tự chọn | | 6/12 | | | | |
| 30 | LIT8047 | Lý luận về thể loại và nghiên cứu văn học Việt Nam <i>Genre Theory in Researching Vietnamese Literature</i> | 3 | 45 | 0 | 105 | |
| 31 | LIT8048 | Truyền thông nghệ thuật trong môi trường văn hóa đa phương tiện <i>Communication of Arts in the Multimedia Culture</i> | 3 | 45 | 0 | 105 | |
| 32 | LIT8049 | Tiếp cận văn hóa hiện tượng văn chương <i>Cultural Approach to Literary Phenomenon</i> | 3 | 45 | 0 | 105 | |
| 33 | LIT8080 | Các lý thuyết đương đại trong nghiên cứu văn học <i>Contemporary Literary Theories</i> | 3 | 45 | 0 | 105 | |

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Số giờ học tập | | | Mã số học phần tiên quyết |
|------------------|--|---|------------|------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------|
| | | | | Lý thuyết ¹ | Thực hành ² | Tự học ³ | |
| III | Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH | | 8 | | | | |
| III.1 | Chuyên đề tiến sĩ | | 6 | | | | |
| 34 | LIT8074 | Chuyên đề 1 <i>Special Topic 1</i> | 2 | 5 | 0 | 95 | |
| 35 | LIT8075 | Chuyên đề 2 <i>Special Topic 2</i> | 2 | 5 | 0 | 95 | |
| 36 | LIT8076 | Chuyên đề 3 <i>Special Topic 3</i> | 2 | 5 | 0 | 95 | |
| III.2 | Tiểu luận tổng quan | | 2 | | | | |
| 37 | LIT8104 | Tổng quan tình hình nghiên cứu Lý luận và thực tiễn văn học <i>Overview of Literature</i> | 2 | 5 | 0 | 95 | |
| III.3 | Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định của ĐHQGHN dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn | | | | | | |
| IV | Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo, tọa đàm do đơn vị chuyên môn tổ chức. NCS cần tham gia các hoạt động sau: Trợ giảng bậc đại học, thạc sỹ; hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên cao học thực hành, thực tập; hoặc hướng dẫn tối thiểu 01 khoá luận tốt nghiệp đại học; hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức | | | | | | |
| V | Luận án | | 72 | | | | |
| 38 | LIT9007 | Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i> | 72 | 0 | 0 | 3600 | |
| Tổng cộng | | | 124 | | | | |

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lý thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá